

Số: 23 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 58/TTr-STP ngày 27/01/2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 18/BC-STP ngày 20/01/2026; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

2. Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Ngãi (được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận áp dụng tại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 về áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia cụm, khối thi đua;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: PCVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, NC (Long 92)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 06/3/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74 và khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; quy định các nội dung Chính phủ phân cấp cho tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật số 06/2022/QH15, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình; các cơ quan Đảng, các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình ngoài tỉnh; tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng thuộc

phạm vi quản lý; phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề khen thưởng và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng; chịu trách nhiệm về việc đánh giá thành tích và đề nghị khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Trách nhiệm của các tập thể cá nhân:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật và của cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thi đua, khen thưởng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong kê khai báo cáo thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng được tặng.

Điều 4. Quy định chung khi xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng

Quy định chung khi xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng thực hiện theo Luật số 06/2022/QH15, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau:

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thi đua hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì được xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Khi xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong các phong trào thi đua hoặc thi đua theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét, khen thưởng theo thẩm quyền; chỉ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu xuất sắc; trong đó chú trọng, quan tâm khen thưởng các tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp tham gia, tham mưu tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3. Các tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (*viết tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*), thủ trưởng các ngành khen thưởng. Trường hợp có thành tích tiêu biểu xuất sắc hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thì mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và được phân bổ chỉ tiêu Cờ thi đua, Bằng khen thì xét khen thưởng theo quy định và quy chế hoạt động của cụm, khối thi đua. Các tập thể đã được cụm, khối thi đua bình xét, đề nghị tặng Bằng khen thì không đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích công trạng.

5. Tập thể được cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét thành tích chưa tiêu biểu xuất sắc thì tùy từng trường hợp có thể xét, đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn hoặc không đề nghị khen thưởng.

6. Cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, khi họp xét “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể thuộc cụm, khối thi đua theo chỉ tiêu được phân bổ nhưng không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn thì cụm, khối thi đua có thể xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định (*đối với cụm, khối thi đua có phân bổ Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*).

7. Khi họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, cụm, khối thi đua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp khen thưởng hoặc cấp trình khen thưởng thực hiện bỏ phiếu; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên của cụm, khối thi đua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (*nếu thành viên cụm, khối thi đua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản để tổng hợp*). Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 90% trở lên; đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên cụm, khối thi đua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 80% trở lên.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 3 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh; xem xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy, người đứng đầu chỉ đạo, tổ chức phát động, triển khai thực hiện các phong trào thi đua và khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về chủ trương, nội dung, kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua xây

dựng nội dung, kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua; tham mưu các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, các phong trào thi đua. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật và Quy định này.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua. Giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua và chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng của các cấp chính quyền.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để các điển hình tiên tiến được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét khen thưởng theo thẩm quyền khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; chỉ đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu, xuất sắc khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên; phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, thi đua theo chuyên đề để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào thi đua yêu nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thi đua yêu nước trong sự nghiệp cách mạng; đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước; phản ánh đúng kết quả, bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, những đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, phổ biến những cách làm hay; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các cụm, khối thi đua của tỉnh; quy định về tổ chức, hoạt động và bình xét thi đua của cụm, khối thi đua của tỉnh.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các cụm, khối thi đua của tỉnh; quy định về tổ chức, hoạt động và bình xét thi đua của cụm, khối thi đua của tỉnh.

3. Các cụm, khối thi đua tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị, địa phương phát động; bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong cụm, khối thi đua theo quy định.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA; HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15.

2. Không xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân tại khoản 1 Điều này thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Cá nhân mới được tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dưới 06 tháng;
- b) Cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;
- c) Cá nhân nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng trở lên, trừ trường hợp nghỉ thai sản.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động thuộc đối tượng, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15 và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Công nhân, người lao động trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, làm lợi cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác từ 50 triệu đồng trở lên trong một năm, được người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác xác nhận;
- b) Nông dân có mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, có thể nhân rộng trong địa bàn thôn, xã, tạo việc làm thường xuyên

cho 02 lao động trở lên với mức thu nhập trong năm bằng mức thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, góp phần giảm nghèo, được Hội Nông dân cấp xã xác nhận;

c) Nông dân đại diện cho hộ nông dân được công nhận đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp cơ sở theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 9. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để xét tặng hàng năm cho tập thể tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật số 06/2022/QH15 và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Đối với tập thể là cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng xếp hạng cải cách hành chính, chuyển đổi số, đánh giá phân loại công tác dân vận hàng năm thì kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số, đánh giá phân loại công tác dân vận đạt loại tốt trở lên;

c) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ với người lao động theo quy định thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi đua chuyên đề;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

c) Có mô hình mới, cách làm hay trong phong trào thi đua chuyên đề được phổ biến, nhân rộng; có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp khen thưởng về thành tích thực hiện phong trào thi đua chuyên đề hàng năm và khi sơ kết, tổng kết.

Điều 10. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật số 06/2022/QH15 và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Nếu tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể thì tổ chức đảng, đoàn thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có cá nhân trong tập thể được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Không có cá nhân trong tập thể đang thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với cấp tỉnh: Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; phòng, ban, chi cục, trung tâm và đơn vị tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, cơ quan công tác Đảng, Mặt trận, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đối với cấp xã: Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các phòng và đơn vị tương đương thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp xã;

c) Các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh; khoa, phòng và tương đương thuộc bệnh viện cấp tỉnh và đơn vị tương đương bệnh viện cấp tỉnh;

d) Các phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng và tương đương thuộc, trực thuộc doanh nghiệp địa phương có tham gia vào khối thi đua do tỉnh tổ chức.

Điều 11. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 06/2022/QH15 và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Nếu tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể, thì tổ chức đảng, đoàn thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Không có cá nhân là người đứng đầu tập thể xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” gồm:

a) Các tập thể thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy định này;

b) Các khoa, phòng và tương đương thuộc Trung tâm y tế trực thuộc Sở Y tế;

c) Các đơn vị thuộc, trực thuộc doanh nghiệp: Phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng và tương đương.

Mục 2

HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học

đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đối với cá nhân là đảng viên phải được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (*trừ trường hợp truy tặng*);

b) Đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ với người lao động theo quy định thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Công nhân, người lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp góp phần tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, làm lợi cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác từ 100 triệu đồng trở lên/năm, được người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác xác nhận;

b) Công nhân được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

c) Nông dân có mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, thu nhập từ 150 triệu đồng trở lên/năm, có thể nhân rộng trong địa bàn thôn, xã, tạo việc làm thường xuyên cho 03 lao động trở lên với mức thu nhập trong 02 năm liên tục bằng mức thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, góp phần giảm nghèo, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

d) Nông dân đại diện cho hộ nông dân được công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh hoặc 03 lần liên tục được công nhận đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp cơ sở theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và tặng cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đối với tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể thì tổ chức đảng, đoàn thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân là người đứng đầu đang thi hành kỷ luật hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ;

b) Đối với tập thể là các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ với người lao động theo quy định thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) Đối với tập thể là các đơn vị tham gia các cụm, khối thi đua phải hoàn thành đạt các chỉ tiêu đề ra và đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của cụm, khối thi đua, được cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu tập thể là cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng xếp hạng cải cách hành chính, chuyển đổi số, đánh giá phân loại công tác dân vận hàng năm thì xếp hạng cải cách hành chính, chuyển đổi số, đánh giá phân loại công tác dân vận đạt loại tốt trở lên.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh khi sơ kết, tổng kết. Đơn vị được giao chủ trì triển khai thực hiện phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ và tình hình thực tế trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong quá trình xây dựng và phát triển ngành, địa phương nhân tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày giải phóng theo kế hoạch được Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương; cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phù hợp với quy mô, cơ cấu tổ chức trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tặng cho đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, địa phương có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhân tổ chức kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn;

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong nhiệm kỳ nhân đại hội nhiệm kỳ mới của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Các đơn vị phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phù hợp với quy mô, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân tham gia đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tham gia các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, ... cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức hàng năm hoặc định kỳ theo quy định đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Huy chương Đồng; giải Đặc biệt, giải Nhất, giải Nhì, giải Ba; giải A, giải B, giải C; đạt giải Khuyến khích cấp quốc tế; đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, giải Đặc biệt, giải Nhất, giải Nhì, giải A, giải B cấp khu vực quốc gia; tập thể, cá

nhân được cơ quan có thẩm quyền phân công trực tiếp xuyên suốt giảng dạy, bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện các tập thể, cá nhân đạt giải cấp khu vực quốc gia, quốc gia, quốc tế được khen thưởng. Mỗi tập thể, cá nhân chỉ được khen thưởng một lần/năm đối với thành tích ở giải quốc gia và khu vực quốc gia;

b) Học sinh đạt giải Nhất và có số điểm cao nhất của mỗi môn thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh;

c) Tập thể, cá nhân đạt giải Ba trở lên tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, giải Nhì trở lên tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Trung ương, doanh nghiệp thuộc tập đoàn, tổng công ty đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích xuất sắc khi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, giai đoạn và tham gia các phong trào thi đua thường xuyên, chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân người Việt Nam làm việc cho các tổ chức nước ngoài chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo, ủng hộ tiền, hiện vật vào các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện với mức tiền ủng hộ, đóng góp của cá nhân tương ứng 100 triệu đồng trở lên, của tập thể, tổ chức tương ứng 200 triệu đồng trở lên (*bao gồm tiền mặt và giá trị quy đổi từ hiện vật*) hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo, ủng hộ tiền, hiện vật vào các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện với mức tiền ủng hộ, đóng góp của cá nhân tương ứng 100 triệu đồng trở lên, của tập thể, tổ chức tương ứng 200 triệu đồng trở lên (*bao gồm tiền mặt và giá trị quy đổi từ hiện vật*) hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lập được thành tích xuất sắc đột xuất và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất khi hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch một nhiệm vụ đặc biệt, quan trọng, đột xuất do tỉnh giao;

b) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm; có thành tích xuất sắc trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân;

c) Tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn;

d) Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, có nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; gương người tốt, việc tốt có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trên địa bàn tỉnh.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho hộ gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hộ gia đình có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả 02 năm liên tục trở lên, thu nhập từ 300 triệu đồng trở lên/năm, có thể nhân rộng trong địa bàn thôn, xã; tạo việc làm thường xuyên, có thu nhập cho 05 lao động trở lên trong 02 năm liên tục bằng mức thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, góp phần giảm nghèo và giúp đỡ có hiệu quả 04 lượt hộ khó khăn về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm để phát triển sản xuất, kinh doanh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Hộ gia đình có nhiều đóng góp về đất đai, tài sản, công sức cho địa phương, xã hội với giá trị quy đổi từ 100 triệu đồng trở lên được các cấp, các ngành ghi nhận, đề nghị khen thưởng.

11. Đối với các trường hợp đặc biệt chưa được quy định cụ thể tại Điều này thì thực hiện theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo được cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp ghi nhận;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nếu là đảng viên phải được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Ưu tiên xét tặng giấy khen cho cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cá nhân có sáng kiến hoặc giải pháp công tác áp dụng có hiệu quả trong cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp được người đứng đầu công nhận;

d) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;

e) Công nhân, người lao động trong một năm có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, làm lợi cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác từ 50 triệu đồng trở lên;

g) Công nhân đạt giải tại Hội thi tay nghề công nhân lao động do các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức;

h) Nông dân có mô hình sản xuất, chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, thu nhập từ 100 triệu đồng trở lên/năm, có thể nhân rộng trong địa bàn thôn, xã, tạo việc làm, thu nhập thường xuyên cho 02 lao động trở lên với mức thu nhập trong năm bằng mức thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, góp phần giảm nghèo, được Hội Nông dân cấp xã xác nhận;

i) Nông dân đại diện hộ nông dân được công nhận đạt danh hiệu Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp cơ sở theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Giấy khen để tặng hàng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo được cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp ghi nhận;

d) Tập thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Nếu có tổ chức đảng, đoàn thể phải đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có cá nhân là người đứng đầu tập thể đang thi hành kỷ luật, đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai, tài sản có giá trị, góp phần xây dựng nông thôn mới, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội tại địa phương, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội,...

Chương IV**CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; QUY TRÌNH, HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC XÉT KHEN THƯỞNG****Điều 14. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân**

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Việc công nhận, xác nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của các tập thể thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức do cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại, xác nhận theo quy định, cụ thể như sau:

a) Đối với tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phải được cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Đối với tập thể dẫn đầu khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thuộc Bộ, ban, ngành Trung ương, tập đoàn, tổng công ty phải được Bộ, ban, ngành Trung ương, tập đoàn, tổng công ty đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Đối với doanh nghiệp địa phương dẫn đầu khối thi đua, được thành viên trong khối thi đua bình xét, đánh giá đạt mức tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khối đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Chính phủ” được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong báo cáo thành tích khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, đề nghị khen thưởng và thẩm định hồ sơ khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định, đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 79; khoản 2, khoản 4 Điều 83 Luật số 06/2022/QH15; điểm b, c khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNV;

b) Trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy.

2. Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân quyết định, đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại Điều 80 Luật số 06/2022/QH15, Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNV; chịu trách nhiệm về quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp mình và việc xét, đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý hoặc đối tượng khác do mình đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã xét, cho ý kiến trước khi trình khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân và các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh thực hiện khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo điều lệ, quy chế do cấp trung ương quy định và Quy định này .

5. Người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu trong việc nộp ngân sách, thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an sinh xã hội... góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình khen thưởng:

a) Đối với khen thưởng cấp Nhà nước, khen thưởng cho các tập thể thuộc cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, thành tích, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo quy định. Trong trường hợp cần thiết, Sở Nội vụ xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để lấy ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và tổng hợp kết quả, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để trình khen thưởng theo quy định. Đối với các tập thể, cá nhân xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến và đề nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Đối với khen thưởng cấp tỉnh (bao gồm khen thưởng cho các tập thể trong cụm, khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành, địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức): Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, thành tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng.

Điều 16. Việc lấy ý kiến để khen thưởng

1. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Có ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với các cơ quan Trung ương và người đứng đầu các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh khi có văn bản đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương;

b) Lấy ý kiến của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực đối với cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp khi đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và khoản 3 Điều 34 Nghị định 152/2025/NĐ-CP trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Sở Nội vụ thực hiện việc lấy ý kiến như sau:

a) Lấy ý kiến của Nhân dân đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi, Trang tin điện tử Sở Nội vụ trong thời hạn ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; tổng hợp ý kiến của Nhân dân (nếu có) báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

b) Trong trường hợp cần có đầy đủ thông tin trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét khen thưởng cho các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, khen thưởng cho các tập thể thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, Sở Nội vụ có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan;

c) Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đối với một số trường hợp trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến để khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương có tư cách pháp nhân thuộc cấp quản lý trực tiếp của Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế; tổ chức, cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo;

d) Nội dung lấy ý kiến gồm: Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể; việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh

doanh, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm và các vấn đề khác theo ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị được xin ý kiến;

đ) Khi nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ, trong thời hạn 07 ngày làm việc (*trừ trường hợp gấp theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền*) thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo thời gian quy định đối với nội dung được xin ý kiến. Trường hợp Sở Nội vụ xin ý kiến mà các cơ quan chức năng không có ý kiến và quá thời gian quy định thì xem như đồng ý; Sở Nội vụ trình khen thưởng theo quy định.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 84 Luật số 06/2022/QH15, Điều 33, 36, 37, 38, 40, 41, 42 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản bình xét danh hiệu thi đua và kết quả bỏ phiếu; biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản xét danh hiệu thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
- d) Các văn bản, tài liệu liên quan minh chứng cho tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng. Đối với cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thì có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi toàn tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tặng Giấy khen thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

d) Các văn bản, tài liệu liên quan minh chứng cho tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với thành tích đề nghị khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể tham gia các cụm, khối thi đua thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của khối trưởng, cụm trưởng các cụm, khối thi đua; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng của cụm, khối thi đua; biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (*bản chính của hồ sơ khen thưởng*), đồng thời gửi các tập tin điện tử (*tập tin .pdf, tập tin .doc (hoặc .docx) của hồ sơ khen thưởng và Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng*), trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước.

Điều 18. Thời gian nhận hồ sơ khen thưởng

1. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (*khen thưởng công trạng*) gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) trước ngày 01 tháng 02 hàng năm; đối với ngành giáo dục và đào tạo, nếu cấp có thẩm quyền quy định đánh giá, xếp loại theo năm học thì gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 7 hàng năm;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (*khen thưởng quá trình cống hiến*) gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) 02 đợt trong năm (*đợt 1 trong tháng 01, đợt 2 trong tháng 7*);

c) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) 02 đợt trong năm (*đợt 1 trước ngày 01 tháng 02, đợt 2 trước ngày 30 tháng 7*);

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước trong phong trào thi đua,

thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của cụm, khối thi đua gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) trước ngày 01 tháng 02 hàng năm; đối với ngành giáo dục và đào tạo, nếu cấp có thẩm quyền quy định đánh giá, xếp loại theo năm học thì gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

3. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng công trạng gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) trước ngày 10 tháng 3 hàng năm; đối với ngành giáo dục và đào tạo, nếu cấp có thẩm quyền quy định đánh giá, xếp loại theo năm học thì gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 7 hàng năm;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) 02 đợt trong năm (*đợt 1 trước ngày 01 tháng 02, đợt 2 trước ngày 30 tháng 7*);

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (*chuyên đề*), đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống ... gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) trước ngày tổ chức lễ, đại hội, tổng kết ít nhất 15 ngày.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó Chủ tịch thứ nhất; Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực; Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là Phó Chủ tịch Hội đồng; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng

năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng, trực thuộc Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, gồm:

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Số lượng thành viên Hội đồng và cơ cấu thành viên Hội đồng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định;

b) Đối với cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội là Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch và thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho cấp uỷ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý. Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Hội đồng tổ chức họp định kỳ và đột xuất khi cần. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự, các thành viên vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thành lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Việc thành lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46, 47, 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

Điều 22. Tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định từ Điều 50 đến Điều 55 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Các tập thể, cá nhân được khen thưởng khi lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức tiền thưởng tùy từng trường hợp cụ thể.

3. Khen thưởng đối ngoại không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm.

Chương VI**HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG; THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG**

Điều 23. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước

1. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của tỉnh:

a) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;

b) Căn cứ các trường hợp thuộc quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng;

c) Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng đề nghị hủy bỏ đối với từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (*kèm theo Quyết định khen thưởng*).

2. Đối với các trường hợp đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng có trách nhiệm lập thủ tục, hồ sơ (*theo điểm c khoản 1 Điều này*) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước khi cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân do cấp mình đề nghị khen thưởng thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 hoặc có văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phải hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Sở Nội vụ kiểm tra, tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ Quyết định hoặc trình cấp trên hủy bỏ Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 24. Hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Bộ phận, cơ quan giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương ban

hành quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khi cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân do cấp mình khen thưởng thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15.

Điều 25. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng thực hiện theo quy định Điều 58 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm đôn đốc tập thể, cá nhân, hộ gia đình do mình đề nghị khen thưởng nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng và gửi về Sở Nội vụ (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng*) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi. Tiền thưởng bị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng của cấp đã chi khen thưởng theo quy định.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thu hồi hiện vật khen thưởng của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đã nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi (*hiện vật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng*), Sở Nội vụ có trách nhiệm gửi về Bộ Nội vụ đối với hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước, đồng thời xử lý đối với hiện vật thuộc thẩm quyền tặng thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị cấp đổi, cấp lại cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai hỏa hoạn (kèm theo danh sách đề nghị cấp đổi/cấp lại);

b) Hiện vật khen thưởng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi.

2. Sở Nội vụ kiểm tra hồ sơ lưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại được in theo thiết kế mẫu bằng thời điểm hiện tại; dưới tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ghi “CẤP ĐỔI” hoặc “CẤP LẠI” theo nội dung đề nghị cấp đổi, cấp lại; phía dưới bên phải là chữ ký của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, con dấu Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm hiện tại; phía dưới bên trái ghi “Cấp đổi/Cấp lại theo Công văn số, ngày ... tháng ... năm ... đồng ý cấp đổi, cấp lại của Ủy ban nhân dân tỉnh”, tiếp bên dưới ghi “Quyết định số, ngày, tháng, năm” và “Số sổ vàng” tại thời điểm khen thưởng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn để thực hiện.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.
